

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2021/KDTM-ST**

Ngày: 25/10/2021

*“V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Hoàng Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Văn Châu**

Bà Nguyễn Thị Xuân Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Phi Nga - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:*
Bà Hoàng Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 57/2020/TLST-KDTM ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2021/QĐST-KDTM ngày 21/7/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 30/2021/TB ngày 30/9/2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:* Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C** (viết tắt GPBank); Trụ sở: Tòa nhà C T, số 109 Tr H Đ, phường C N, quận H K, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy Th – Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T A – Phó Giám đốc chi nhánh Ba Đình. Người nhận ủy quyền lại: Ông Vũ Ngọc C, ông Đỗ Văn D, ông Trần Quang H – Cán bộ Ngân hàng (Theo Giấy ủy quyền số 22a/2020/UQ-GĐPTH ngày 15/10/2020). Ông Đỗ Văn Dũng có mặt tại phiên tòa.

***Bị đơn:* Công ty cổ phần T Q;** Trụ sở: Nhà 4 Ngõ 156 Ngách 38 Phố H M, phường B M, quận H BTr, Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Q A – Chức danh: Giám đốc; Hộ khẩu thường trú: số 57 phố Ng H, phường L H, quận Đ Đ,

thành phố Hà Nội; địa chỉ cư trú: Nhà 4 Ngõ 156 Ng 38 Phố H M, phường B M, quận H B Tr, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2011, Ngân hàng TMCP D K T C - nay đổi thành Ngân hàng TM TNHH Một thành viên D K T C (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng Dầu khí) và Công ty cổ phần T Q (Sau đây gọi tắt là Công ty T Q) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0179/HĐTD/GPBBĐ-LLQ/2011 ngày 31/3/2011, Khế ước nhận nợ số: 01.0179/KUNN/GPBBĐ-LLQ/2011 ngày 05/4/2011. Theo đó, Công ty T Q đã được Ngân hàng D K giải ngân số tiền vay là 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng, thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích vay vốn là: bổ sung vốn lưu động để thực hiện hợp đồng kinh tế. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất số 48b, tờ bản đồ số 03, tổ 4 phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên bảo đảm là ông Trịnh Anh T và bà Đỗ Q A theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ngày 31/3/2011.

Đến thời hạn thanh toán khoản vay, Công ty T Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng D K đã nhiều lần làm việc với Bì đơn để đưa ra phương án giải quyết đối với khoản vay. Các bên đã thống nhất bán đấu giá đối với tài sản bảo đảm để Bì đơn thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên liên quan, việc bán đấu giá tài sản bảo đảm đã được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 10/7/2014, tài sản bảo đảm đã được mua bán thành công, thể hiện ở Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá ngày 10/7/2014. Do tài sản thế chấp trên được đảm bảo cho nhiều khoản vay tại Ngân hàng Dầu khí, trong đó có khoản vay trên của công ty T Q. Do đó, các bên liên quan gồm: Ngân hàng Dầu khí, công ty T Q và bên thế chấp là ông Trịnh Anh T, bà Đỗ Q A cùng thống nhất khoản giá trị thu về từ việc mua bán tài sản để thanh toán cho khoản vay của công ty T Q là 3.424.911.000 đồng. Đối chiếu với số nợ gốc được giải ngân, Công ty T Q còn nợ Ngân hàng Dầu khí: 575.089.000 đồng nợ gốc. Tại Biên bản làm việc ngày 10/7/2014, bà Đỗ Q A, Giám đốc – Đại diện theo pháp luật của công ty T Q cũng xác nhận đối với khoản nợ nêu trên. Nay, Ngân hàng D K T C yêu cầu Bì đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng, Ngân hàng không yêu cầu Bì đơn phải thanh toán số tiền lãi phát sinh của toàn bộ khoản vay. Đối với tài sản bảo đảm: Do đã được bán đấu giá theo thỏa thuận nên Ngân hàng không yêu giải quyết đối với về tài sản bảo đảm trong vụ án này.

Đến nay, Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu công ty cổ phần T Q phải trả cho Ngân hàng D K tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 12/3/2020 là: 575.089.000 đồng, trong đó: nợ gốc là: 575.089.000 đồng, nợ lãi: 0 đồng.

Bị đơn là Công ty cổ phần T Q: Theo hồ sơ vụ án và thông tin xác minh tại Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội: Công ty Cổ phần T Q có địa chỉ trụ sở chính tại: Nhà 4 ngõ 156 ngách 38 phố H M, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội do bà Đỗ Q A – Giám đốc là đại diện theo pháp luật. Bà Đỗ Q A có địa chỉ đăng ký hộ khẩu tại: 57 phố Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, địa chỉ cư trú: Nhà 4 ngõ 156 ngách 38 phố H M, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, qua xác minh, chính quyền địa phương cho biết công ty T Q không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký, bà Đỗ Q A cũng không cư trú tại các địa chỉ nêu trên.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với công ty cổ phần T Q và bà Đỗ Q A – Giám đốc. Tuy nhiên, bà Đỗ Q A hay đại diện Công ty cổ phần T Q không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Thêm vào đó, Tòa án cũng đã tiến hành các thủ tục xác minh, triệu tập lấy lời khai đối với các cổ đông còn lại của công ty T Q là: ông Trịnh Anh T (địa chỉ: số 93 phố T T, quận H B Tr, thành phố Hà Nội), ông Đoàn Trường S (địa chỉ: 89B V H, quận H B T, thành phố Hà Nội). Tuy nhiên ông T, ông S đều không còn cư trú tại địa chỉ nêu trên nên không thể triệu tập để xác minh làm rõ.

Do công ty T Q không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu Tòa án buộc công ty cổ phần T Q phải trả cho Ngân hàng D K tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/10/2021 là: 575.089.000 đồng, trong đó: nợ gốc là: 575.089.000 đồng, nợ lãi: 0 đồng.

Công ty cổ phần T Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng quy định về thủ tục lấy lời khai, hòa giải, tiến hành công khai chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 27/9/2021 là: 575.089.000 đồng, trong đó: nợ gốc là: 575.089.000 đồng, nợ lãi: 0 đồng. Ngoài ra, Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[I]. Về tố tụng:

1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Việc ký kết Hợp đồng tín dụng 0179/HĐTD/GPBBĐ-LLQ/2011 ngày 31/3/2011 và Khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C với công ty TNHH cổ phần T Q với mục đích là bổ sung vốn kinh doanh nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS năm 2015.

Tài liệu trong hồ sơ thể hiện Công ty TNHH cổ phần T Q có địa chỉ trụ sở chính tại: Nhà 4 ngõ 156 ngách 38 phố H M, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng là phù hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

2. Về thủ tục tố tụng:

Qua xác minh, công ty T Q không có hoạt động tại địa chỉ: Nhà 4 ngõ 156 ngách 38 phố H M, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, bà Q

A – Giám đốc – Đại diện theo pháp luật của công ty cũng không còn cư trú tại các địa chỉ cung cấp trong đăng ký kinh doanh. Công ty T Q và bà Q A không thông báo cho nguyên đơn và chính quyền địa phương về việc chuyển địa điểm hoạt động, cư trú của mình nên căn cứ theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo đến Tòa án để lấy lời khai, Thông báo phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, Kết quả phiên họp công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên họp,... đối với bị đơn là Công ty cổ phần T Q đồng thời đối với bà Đỗ Q A theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh nơi cư trú, triệu tập các cổ đông còn lại của công ty T Q là ông Trịnh Anh T và ông Nguyễn Trường Sơn để làm rõ nội dung vụ án và nhưng không thành do các cá nhân nêu trên không còn cư trú tại địa chỉ cung cấp trong đăng ký kinh doanh, hiện đi đâu không rõ. Do không thể triệu tập được bất kỳ một cổ đông nào của công ty nên Tòa án không thể chỉ định người đại diện theo pháp luật của công ty theo khoản 7 Điều 12 Luật Doanh nghiệp. Như vậy, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với việc xét xử trong trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Công ty cổ phần T Q là bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Bị đơn.

[II]. Về nội dung vụ án:

1. Về hiệu lực của Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ:

Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C (trước đây là Ngân hàng TMCP D K T C) và công ty TNHH cổ phần T Q đã ký kết Hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 0179/HĐTD/GPBBĐ-LLQ/2011 ngày 31/3/2011, Khế ước nhận nợ số: 01.0179/KUNN/GPBBĐ-LLQ/2011 ngày 05/4/2011 để giải ngân số tiền vay 4.000.000.000 đồng. Việc ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn và Khế ước nhận nợ nêu trên là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ngày 31.3.2011: Nguyên đơn, Bị đơn và Bên thế chấp đã thống nhất với nhau về việc xử lý tài sản thế chấp.

Trên thực tế hiện nay tài sản bảo đảm đã được Bên thế chấp chuyển nhượng hết cho cá nhân khác để giúp Bị đơn thanh toán một phần khoản nợ. Nguyên đơn cũng không có yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp này trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về yêu cầu khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán khoản nợ còn thiếu:

Năm 2011, Ngân hàng TMCP D K T C - nay đổi thành Ngân hàng TM TNHH Một thành viên D K T C và Công ty cổ phần T Q đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0179/HĐTD/GPBBĐ-LLQ/2011 ngày 31/3/2011, Khế ước nhận nợ số: 01.0179/KUNN/GPBBĐ-LLQ/2011 ngày 05/4/2011. Theo đó, Công ty T Q đã được Ngân hàng D K giải ngân số tiền vay là 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất số 48b, tờ bản đồ số 03, tổ 4 phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên bảo đảm là ông Trịnh Anh T và bà Đỗ Q A theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ngày 31/3/2011.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do có khó khăn về kinh tế, Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản nợ đã chuyển thành quá hạn. Các bên đã làm việc và thống nhất phương án bán tài sản bảo đảm, Bên thế chấp đã chuyển nhượng tài sản bảo đảm để giúp Bị đơn thanh toán một phần khoản nợ với số tiền là: 3.424.911.000 đồng. Nội dung này được thể hiện tại Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 02/2014/HĐMBTSBĐG-ĐGTTC ngày 10/7/2014.

Như vậy đối chiếu với số tiền nợ gốc đã được giải ngân cho bên vay, Công ty cổ phần T Q còn nợ Ngân hàng D K số tiền nợ gốc là: 575.089.000 đồng. Về nội dung này, Bà Đỗ Q A, Giám đốc – Đại diện theo pháp luật và Ngân hàng D K cũng đã lập Biên bản xác nhận dư nợ ngày 10/7/2014, theo đó Công ty T Q xác nhận dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 0179 tính đến ngày 10/7/2014 là: 575.089.000 đồng.

Xét thấy, việc Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu là đúng với thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên đồng thời phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên cũng thống nhất số nợ gốc còn thiếu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi: Theo đơn khởi kiện và các lời khai thể hiện: Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C không yêu cầu Bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh của toàn bộ số nợ gốc. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C, buộc Công ty cổ phần T Q phải thanh

toán cho Nguyên đơn số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/10/2021 là: 575.089.000 đồng (Năm trăm tám mươi bảy triệu không trăm tám mươi chín nghìn) đồng; trong đó: nợ gốc là: 575.089.000 đồng, nợ lãi: 0 đồng.

[III]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Công ty cổ phần T Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, số tiền là: 27.003.560 (Hai mươi bảy triệu không trăm linh ba nghìn năm trăm sáu mươi) đồng.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 71; Điều 74; khoản 1 Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 290; khoản 1 Điều 357; Điều 405; Điều 468; Điều 471; Điều 474; Điều 476; khoản 2 Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D K T C đối với công ty cổ phần T Q.

2. Buộc Công ty cổ phần T Q phải thanh toán cho Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C số tiền còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng 0179/HĐTD/GPBBĐ-LLQ/2011 ngày 31/3/2011 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/10/2021 là: 575.089.000

đồng (Năm trăm tám mươi bảy triệu không trăm tám mươi chín nghìn) đồng; trong đó: nợ gốc là: 575.089.000 đồng, nợ lãi: 0 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C không phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 13.500.000 (Mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai số AA/2019/0003531 ngày 08/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Công ty cổ phần T Q phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 27.003.560 (Hai mươi bảy triệu không trăm linh ba nghìn năm trăm sáu mươi) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C, vắng mặt đại diện của Công ty cổ phần T Q.

Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần T Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hoàng Nam

